

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN,
DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Thông báo số: 162./TB-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường Tam Thanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	$I=2+3$	2	3
	Tổng số	-	-	-
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách ưu tiên			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 6 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 162./TB-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường Tam Thanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		so sánh thực hiện (%)	
			Quý 2/2026	Lũy kế năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	66.000	34.584	78.546	119,0	
I	Thu nội địa	66.000	34.584	78.546	119,0	
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp					
III	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	187.429	54.298	137.162	73,2	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	63.304	17.887	59.605	94,2	
1	Các khoản thu NSX hưởng 100%	50.979	4.202	38.389	75,3	
2	Thuế GTGT (phần NSX hưởng trong tổng NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSX theo tỷ lệ %	12.325	13.685	21.215	172,1	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	124.125	1.956	43.103	34,7	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	121.600		30.400	25,0	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.525	1.956	12.703	503,1	
III	Thu kết dư	-				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	34.455	34.455	34.455	100,0	
C	TỔNG CHI NSDP	187.429	41.628	85.961	45,9	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	184.904	40.631	84.964	46,0	
1	Chi đầu tư phát triển	14.725	4.205	4.544	30,9	
2	Chi thường xuyên	166.481	36.261	80.255	48,2	
3	Chi viện trợ	-				
4	Dự phòng NSNN	3.698	166	166	4,5	
5	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.525	997	997	39,5	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-				

THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 162./TB-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường Tam Thanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý II/2026	Lũy kế 6 tháng đầu năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa	66.000	34.615	78.546	119,0	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.020	1.053	16.141	84,9	
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.570	819	7.126	74,5	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	19.100	1.367	12.842	67,2	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	18.200	1.222	12.446	68,4	
7	Các khoản thu về nhà, đất	15.500	30.564	39.520	255,0	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	120	216	21,6	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		32	32		
-	Thu tiền sử dụng đất	14.500	30.413	39.272	270,8	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biên					
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
12	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
13	Thu khác ngân sách	2.810	812	2.917	103,8	
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp					
III	Thu viện trợ					

B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	63.304	17.887	59.605	94,2	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NST và NSX	12.325	13.685	21.215	172,1	
2	Thuế GTGT (phần NSX hưởng trong tổng NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSX hưởng 100%	50.979	4.202	38.389	75,3	

THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 162./TB-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường Tam Thanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý II/2026	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	I	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	187.429	41.628	85.961	45,9	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	184.904	40.631	84.964	46,0	
I	Chi đầu tư phát triển	14.725	4.205	4.544	30,9	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	14.725	4.205	4.544	30,9	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi thường xuyên	166.481	36.261	80.255	48,2	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	87.102	26.136	50.341	57,8	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
III	Chi viện trợ					
IV	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.698	166	166	4,5	
V	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
VI	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NST CHO NSX	2.525	997	997	39,5	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	2.525	997	997	39,5	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Thông báo số: 162./TB-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường Tam Thanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho địa phương		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NST bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5
	Tổng số	4.098	165,5	3.932,5	-	-	-
1	Chi đầu tư phát triển						
2	Chi thường xuyên		165,5				